TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **51**/2021/HNGĐ-ST*
Ngày: 29-12-2021
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trần Anh Tuấn;
2. Huỳnh Quốc Diện.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lữ Cẩm Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 và Thông báo tiếp tục mở phiên tòa số : 56/2021/TB-TA, ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Văn U,** sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp Tr, xã Kh, huyện Tr, tỉnh C.

Bị đơn: Chị **Phùng Thị Nh,** sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Ch, tỉnh K.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16-3-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn U trình bày: Vào năm 2011 anh và chị Phùng Thị Nh cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức

lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Kh, huyện Tr, tỉnh C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14-11-2011.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cải, không hợp nhau về tính tình, cách sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Đến tháng 9 năm 2020 âm lịch do vợ chồng bất đồng quan điểm nghiêm trọng anh không thể tiếp tục chung sống với chị Nh nữa nên anh đã ra ngoài sinh sống cho đến nay và cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau đến nay.

Anh U thừa nhận, vào dịp 30 tết âm lịch 2021 anh và chị Nh có xảy ra ẩu đã với nhau và trong lúc nóng giận anh đã đánh chị Nh vài bạc tay do chị Nh kiếm chuyện gây cự cải vợ chồng. Nay anh xét thấy không còn tình cảm với chị Nh nữa nên anh quyết định ly hôn với chị Nh.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị Nh có 02 con chung tên Trần Thanh Th, sinh ngày 26-3-2011 và Trần Văn V, sinh ngày 07-6-2012, hiện nay đang sống cùng với chị Nh.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung , nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Trần Văn U yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Xin ly hôn với chị Phùng Thị Nh

- *Về con chung:* Đồng ý giao 02 con chung tên Trần Thanh Th, sinh ngày 26-3-2011 và Trần Văn V, sinh ngày 07- 6 -2012 cho chị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/tháng x 2 con = 3.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07-4-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Phùng Thị Nh trình bày: Chị thống nhất về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như anh U trình bày, nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh U. Theo chị Nh trong cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó đến tháng 6 năm 2020 anh U đi về quê nhà đám giỗ đến khi anh U quay về nhà thì chị phát hiện trong điện thoại của anh U có chụp hình chung với người phụ nữ khác và có hành động ôm hôn với nhau, thấy vậy chị cũng bỏ qua để vợ chồng hàn

gắn. Vài tháng sau người phụ nữ anh U đang quen điện thoại cho anh U nhưng do anh U không giử máy và chị đã nghe máy. Sau đó chị có nói chuyện với anh U nhưng anh U không thừa nhận mà còn kiếm chuyện cự cải với chị. Hơn một tháng sau chị và anh U xảy ra cự cải liên quan đến người phụ nữ anh U đang quen, vì hôm đó chị có lấy điện thoại của anh U khi người phụ nữ đó gọi đến và anh U có hành động đánh chị nhưng được mọi người can ngăn.

Đến tháng 07 năm 2020 anh U thường xuyên hay đi về nhà, anh U lấy lý do là về thăm nhà nhưng khi chị hỏi lại gia đình bên chồng thì anh U không có ghé nhà mà đi đâu chị cũng không biết.

Vào dịp tết về quê anh U thì vợ chồng lại tiếp tục xảy ra cự cải, anh U không cho chị vào nhà cha mẹ chồng . Vào đêm 30 tết giữa chị và anh U có xảy ra cự cải, anh U có hành động đánh chị tại nhà cha mẹ chồng và cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay.

Nay chị xét thấy mặc dù vợ chồng có xảy ra mâu thuẩn nhưng hiện nay chị vẫn còn thương anh U, muốn hàn gắn thêm phần hiện nay các con còn rất nhỏ nên chị muốn anh U quay về chung sống để chăm sóc các con đến khi trưởng thành.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh U có 02 con chung tên Trần Thanh Th, sinh ngày 26-3-2011 và Trần Văn V, sinh ngày 07-6-2012, hiện nay đang sống cùng với chị.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Phùng Thị Nh có yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Không đồng ý ly hôn với anh Trần Văn U xin được hàn gắn, đoàn tụ.

- *Về con chung:* Nếu anh U vẫn cương quyết ly hôn với chị thì yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Thanh Th, sinh ngày 26-3-2011 và Trần Văn V, sinh ngày 07-6-2012 và đồng ý anh U cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/tháng x 2 con = 3.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh U vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Nh nhưng chị Nh không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 16-3-2021 anh Trần Văn U có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Phùng Thị Nh. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Văn U và chị Phùng Thị Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2011 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo anh U nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, thường hay xảy ra cự cải, không hợp nhau về tính tình, cách sống. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Còn chị Nh thì cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh U không có xảy ra mâu thuẫn gì nghiêm trọng, mặc dù vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cự cải và chị phát hiện anh U có người phụ nữ khác bên ngoài, khi về nhà kiếm chuyện gây cự cải và đánh chị đồng thời anh U bỏ nhà đi về quê sinh sống từ 7 năm 2020 đến nay và cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau đến nay, nhưng chị Nh không đồng ý ly hôn vì chị Nh cho rằng chị vẫn còn tình cảm với anh U nên xin hàn gắn để cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng các con trưởng thành.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình:

"*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Trần Văn U và chị Phùng Thị Nh đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân giữa anh U và chị Nh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế, anh U và chị Nh đã sống trong tình trạng ly thân từ tháng 07 năm 2020 cho đến nay cũng một thời gian dài, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cố gắng động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này anh U và chị Nh sẽ không có hạnh phúc, mặc khác tại phiên tòa anh U cũng xác định hiện nay anh không còn tình cảm với chị Nh và cương quyết xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Vì vậy, yêu cầu của anh U về việc xin ly hôn chị Nh là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Trần Văn U và chị Phùng Thị Nh đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Trần Thanh Th, sinh ngày 26-3-2011 và Trần Văn V, sinh ngày 07-6-2012. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh U và chị Nh thống nhất thỏa thuận giao cháu Thúy, cháu Vỹ cho chị Nh tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, HĐXX xét thấy việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện đồng thời phù hợp theo nguyện vọng của cháu Th, cháu V được Tòa án ghi nhận ý kiến, nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Trần Văn U và chị Phùng Thị Nh thống nhất thỏa thuận, anh U tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Thúy, cháu Vỹ mỗi tháng là 3.000.000đ/02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng lần đầu tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm (29-12-2021). HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật

[5] Về tài sản chung: Anh Trần Văn U và chị Phùng Thị Nh xác nhận tự thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật

[6] Về nợ chung: Anh Trần Văn U và chị Phùng Thị Nh cam kết không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trần Văn U là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Văn U và chị Phùng Thị Nh .

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Trần Văn U và chị Phùng Thị Nh giao 02 con chung tên Trần Thanh Th, sinh ngày 26-3-2011 và Trần Văn V, sinh ngày 07-6-2012 cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của các con).

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Trần Văn U và chị Phùng Thị Nh là anh U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con tên Trần Thanh Th, sinh ngày 26-3-2011 và Trần Văn V, sinh ngày 07-6-2012 mỗi tháng với số tiền : 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) / 02 con, đến khi các con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (29-12-2021).

Hai bên giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch tỉnh K hoặc giao nhận trực tiếp.

Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày chị Nh có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh U không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo thỏa thuận trên thì anh U còn phải trả cho chị Nh thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Anh Trần Văn U có quyền nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở

4. Về tài sản chung: Anh Trần Văn U và chị Phùng Thị Nh xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Anh Trần Văn U và chị Phùng Thị Nh cam kết không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Anh Trần Văn U phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001600 ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K, anh U không phải nộp thêm. Anh Trần Văn U phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

7. Quyền kháng cáo : Anh Trần Văn U và chị Phùng Thị Nh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.